

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 33 Phạm Ngọc Thạch, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 15h00 – 15/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 15/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009550 dated 15/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh


Phạm Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ địa.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses địa.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Vietnam of Accreditation - Viet Nam (Viet 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	13,6	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	12,9	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,14	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,1	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	87,5	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	34,8	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phù hợp chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses qlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



04/2026

Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Tên của mẫu(s) và customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDT's content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	-
7.75 2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BaA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 094). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 094). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	46,6	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,4	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6- trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	7,5	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	39,4	-	300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



30/06/2026

Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thảo luận về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chốt tương (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 46 Điện Biên Phủ, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h30 – 15/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 15/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009550 dated 15/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh


Phạm Thành Trung

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Tên của mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BaA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam
Testing Complex: ⑧ No. 7, road No. 1, Binh Hoa 1 LZ, Thu

TEL: 184-711-3829-4274

Fax: (84-78) 4829 4012

E-mail: info@quintec3.com.vn

website: www.intest3.com.vn

Testing Complex: ① No. 7, road No. 1, Dien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ② C5 lot, (D) road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ③ 1963

Thoi wu // CMC, Vietnam

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Mức chất lượng <i>Quality Level</i>
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) <i>Chloride content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	14,2	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) <i>Chromium content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin <i>Epiclohydrin content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) <i>Fluoride content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde <i>Formaldehyde content</i>	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) <i>Zinc content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) <i>Manganese content</i>	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine <i>Monochloramine content</i>	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) <i>Sodium content</i>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	13,0	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) <i>Aluminium content</i>	mg/L	US EPA 200.8	0,16	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) <i>Nickel content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) <i>Nitrate (NO₃⁻ as N) content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product

² Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. / Name of sample(x) and customer are written as customer's request.

3. Hồ không đảm bảo do mô rừng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

3. Bý không đảm bảo đo mô rộng được tìm ra độ không đảm bảo đo chính xác với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn dùng ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported extended uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thí nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Thử Thép Hạng cao cấp của *armstrong.com*. *access to full without the written permission by Quater 1.*

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.usa@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết số 004). Các chỉ tiêu cơ bản (*) là chưa được công nhận.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,3	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	86,5	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	34,8	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/06/2026
Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BnA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2 dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48 .1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48 .4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (None of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BaA-Viet) Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 .1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75 .2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	24,6	-	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của tài gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test reports.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.






PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Mức chất lượng <i>Quality Level</i>
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic <i>Trichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	50,3	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile <i>Dibromoacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile <i>Dichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	1,0	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile <i>Trichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPII	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol <i>2,4,6-Trichlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol <i>Pentachlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane <i>Bromodichloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	5,3	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform <i>Bromoform content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform <i>Chloroform content</i>	µg/L	US EPA 8260D	25,7	-	300

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request*

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quantest.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ [dh.cs\(aquatest\).com.vn](mailto:dh.cs(aquatest).com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlr.ca@quatest3.com or for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

Q326E068695
(MTTN26009550.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Ea Súp
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước 164, Thôn 6, Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h00 – 15/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 15/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 15/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh


Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Trang Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axít boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	14,0	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPII	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	12,7	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,15	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do một riêng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	4,9	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	86,2	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	34,8	-	300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dhcs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dhcs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-dichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written at customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited at conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and they are not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà phòng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính là độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích tạo một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPII	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT* và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phạm vi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
 (MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	33,5	-	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	53,7	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetone Dibromoacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetone Dichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	1,4	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetone Trichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	5,3	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	29,4	-	300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

15/06/2026
Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2